

Bản án số: 73/2024/HS-ST

Ngày: 08 - 7 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

Thẩm phán: Ông Võ Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hoàng

Ông Phan Văn Minh

Ông Nguyễn Đăng Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn H, sinh ngày 12 tháng 9 năm 1991 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: **Thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai**; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn B** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị H1**; bị cáo có vợ là **Phạm Thị T**, sinh năm 1989, có 01 con là **Nguyễn Phạm Gia K**, sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 05/2/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai xử phạt 3 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 05/2015/HS-ST, ngày 3/3/2015 được trả tự do; ngày 26/3/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 36 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” tại Bản án số 16/2019/HS-ST, ngày 08/02/2021 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 1/9/2023 và bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam **công an tỉnh G**. Có mặt tại phiên tòa.

* **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông **Vũ Quang K1** – Luật sư của **Công ty L2** thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh G**. Có mặt

Địa chỉ: 8 Bà T, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

*** Bị hại:**

- Anh Nguyễn Huỳnh Tấn Đ, sinh năm 1983; địa chỉ: A N, phường H, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Lâm Thảo N, sinh năm 1987; địa chỉ: A L, tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1973 và chị Nguyễn Thị N2, sinh năm 1977; cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Đều vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1991; địa chỉ: 5 T, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Anh Nguyễn Như K2, sinh năm 1991; địa chỉ: Hẻm A T, tổ A, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Anh Nguyễn Huỳnh Gia H2, sinh năm 2003; địa chỉ: Tổ B, phường H, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Vũ Duy L, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn D, xã G, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ B, phường H, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Hoàng Minh N3, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ G, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Lê Văn M, sinh năm 1997; địa chỉ: A L, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Trần Văn Q, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, Nguyễn H nảy sinh ý định thuê xe ô tô tự lái rồi đem đi cầm cố, bán để chiếm đoạt tiền. Do vậy, vào khoảng tháng 6/2023, Nguyễn H lên mạng xã hội Facebook nhắn tin qua M1 với một người không rõ lai lịch để đặt làm giấy phép lái xe ô tô hạng C giả với giá 1.500.000 đồng. H chụp hình chân dung, căn cước công dân, cùng địa chỉ của H gửi qua M1 và chuyển khoản số tiền trên vào tài khoản theo yêu cầu cho đối tượng làm giả. Sau khi chuyển khoản tiền xong, khoảng 10 ngày sau H nhận được giấy phép lái xe ô tô hạng C giả số: 640237000021 mang tên Nguyễn H bằng đường giao hàng về cho H ở thôn A, xã P, huyện Đ. Sau khi có Giấy phép lái xe ô tô giả, Nguyễn H đã thực hiện hành vi thuê xe ô tô của các cá nhân trên địa bàn thị xã A, thị xã A và

huyện Đ, tỉnh Gia Lai sau đó cầm cố tại 02 tiệm cầm đồ trên địa bàn thành phố P, tỉnh Gia Lai để lấy tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ các khoản vay của H, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Sáng ngày 29/7/2023, Nguyễn H đến quán N4 ở tổ C, phường A, thị xã A, Gia Lai gặp anh Lâm Thảo N (trú tại tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai) hỏi thuê xe ô tô biển kiểm soát 81A-225.64 nhãn hiệu TOYOTA INNOVA G để đi công việc, giá thuê thỏa thuận là 800.000 đồng/1 ngày. Anh N đồng ý cho H thuê xe 81A-225.64 (người đứng tên chủ xe là Huỳnh Minh N3 trú tại tổ G, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai) và giao toàn bộ giấy tờ xe cho H gồm: 01 Giấy đăng ký xe, 01 Giấy đăng kiểm và 01 Giấy bảo hiểm xe. Do trước đó H đã thuê xe ô tô trên 02 lần vào ngày 29/6/2023, 09/7/2023 và H đã tự viết sẵn một Giấy bán xe với nội dung Huỳnh Minh N3 đã bán xe ô tô 81A-225.64 cho H với số tiền 190.000.000 đồng, sau khi thuê xe, đến trưa cùng ngày, H điều khiển xe đi đến tiệm C, ở A L, thành phố P, tỉnh Gia Lai do anh Nguyễn Như K2 quản lý. H sử dụng Giấy bán xe đã viết lúc trước đưa cho anh K2 xem để K2 tin tưởng là xe ô tô của H. H cầm cố chiếc xe ô tô trên và toàn bộ giấy tờ xe cho K2 với số tiền 110.000.000 đồng, anh K2 chuyển số tiền 110.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng B1 số 62210000302994 của H. Sau khi nhận được tiền, H sử dụng vào việc trả nợ cho các khoản vay trước của H và tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 01/9/2023, anh N biết tin H bị Công an huyện Đ bắt về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và nghi ngờ H chiếm đoạt xe ô tô thuê của mình nên đã làm đơn tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của Nguyễn H.

Qua định giá, tại Bản kết luận định giá tài sản số 50/KL-HĐĐGTS ngày 18 tháng 9 năm 2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã A kết luận xe ô tô biển số 81A-225.64 trên có giá trị là 195.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Sáng ngày 15/8/2023, H điện thoại đến Hộ kinh doanh Tấn Đạt ở A N, phường H, thị xã A do anh Nguyễn Huỳnh Tấn Đ làm chủ để thuê xe tự lái. Anh Nguyễn Huỳnh Gia H2 là con anh Đ báo giá tiền thuê xe 700.000 đồng/ngày, H đồng ý thuê xe trong thời gian 05 ngày. Anh H2 yêu cầu H phải chụp ảnh CCCD và Giấy phép lái xe ô tô của H gửi qua điện thoại. H có chụp ảnh căn cước công dân và Giấy phép lái xe ô tô hạng C (Giấy phép lái xe giả H đặt làm trên mạng) đứng tên của H gửi qua cho H2 để H2 tin tưởng H đã có giấy phép lái xe ô tô. H2 đồng ý cho thuê xe nên H bắt xe khách đi đến Hộ kinh doanh T, thì H có gọi điện thoại cho H2 và H2 nói xe ô tô đang để trước Hộ kinh doanh Tấn Đ, xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại INNOVA, biển kiểm soát 81A-288.91, chìa khóa và giấy tờ xe để sẵn trên xe ô tô (xe đứng tên chủ sở hữu là anh Hoàng Văn T1 sinh năm 1986; trú tại: Tổ A, phường H, thị xã A, tỉnh Gia Lai). H tự lấy xe ô tô đi vì H2 bận việc không có ai giao xe cho H. Sau khi lên xe H phát hiện ngoài những giấy tờ liên quan còn có 01 Căn cước công dân tên Trần Văn Q (sinh năm 1994; trú tại: Thôn Đ, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk) nên H lấy 01 tờ giấy (giấy vớ ô ly)

tự viết một hợp đồng mua bán và tự ký tên bên bán là **Trần Văn Q** với bên mua tên của **H** để tạo niềm tin với chủ tiệm cầm đồ khi mang xe đi cầm cố. Sau đó **H** điều khiển xe ô tô đến tiệm cầm đồ của anh **Nguyễn Như K2** ở **A L, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai** và lừa dối anh **K2** là xe của **H** mới mua và bán xe cho anh **K2** với giá 100.000.000 đồng, việc mua bán có lập giấy mua bán giữa anh **K2** với **H**, khi bán **H** giao xe ô tô cho **K2** cùng với các giấy tờ khác liên quan đến xe ô tô, **K2** giao tiền cho **H** bằng tiền mặt. Sau khi viết giấy bán xe **H** có thỏa thuận với anh **K2** khi nào có đủ tiền thì cho **H** lấy lại chiếc xe đó và anh **K2** đồng ý. Sau khi mua xe, do nghi ngờ không phải là xe của **H** nên anh **K2** điện thoại yêu cầu **H** đến lấy xe và trả lại tiền thì **H** đã chuyển trả cho anh **K2** được 50.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng **H** đã tiêu xài cá nhân hết. Đối với anh **Đ**, sau khi cho **H** thuê xe thì không liên lạc được, qua tìm hiểu thì anh **Đ** biết xe ô tô của mình đã bị **Nguyễn H** cầm cố và **H** bị bắt giữ nên anh **Đ** đến **Công an thị xã A** tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của **Nguyễn H**.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐDGTS ngày 12 tháng 10 năm 2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự **thị xã A** kết luận xe ô tô mang biển kiểm soát 81A-288.91 có giá 202.638.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 18 giờ 00' ngày 22/8/2023, **Nguyễn H** điện thoại cho anh **Nguyễn Văn N1** (sinh năm 1973; trú tại: **Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai**) hỏi thuê xe ô tô, anh **N1** đồng ý cho thuê. Khoảng 19 giờ cùng ngày **H** đến nhà anh **N1**. Tại đây **H** và anh **N1** thỏa thuận thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota Inova màu bạc, biển kiểm soát: 81A-060.98 bằng miệng giá thuê là 700.000 đồng/một ngày đêm. **H** đồng ý thuê 03 ngày từ tối ngày 22/8/2023 hện đến tối ngày 24/8/2023 thì trả xe, khi trả xe thì trả tiền luôn. Anh **N1** đưa cho **H** chìa khóa xe ô tô trên và giấy tờ xe gồm: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, Giấy chứng nhận kiểm định, Bảo hiểm xe được để sẵn trên xe. Sau đó **H** điều khiển xe ô tô trên về nhà ngủ. Đến khoảng 07 giờ 00' ngày 23/8/2023, **H** điều khiển xe ô tô đến 01 **cửa hàng P1** trên **đường L, thành phố P** và mua 01 tờ Hợp đồng mua bán xe ô tô in sẵn, Hưng điền nội dung vào và tự ký tên bên bán là **Nguyễn Văn N1**, bên mua là **Nguyễn H**. Sau đó **H** điều khiển xe ô tô đến tiệm Cầm đồ F81 của anh **Nguyễn Văn Đ1** tại **số nhà D T** để cầm cố xe ô tô. Lúc này khoảng 16 giờ cùng ngày, **H** gặp anh **Vũ Duy L** là nhân viên tiệm cầm đồ. **H** đưa cho **L** các lại giấy tờ gồm: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, Giấy chứng nhận kiểm định, Bảo hiểm xe, Giấy phép lái xe hạng A1 của **H**, Hợp đồng mua bán xe ô tô (do **H** tự viết tự ký tên anh **N1**) và nói xe ô tô trên là **H** đã mua lại của anh **Nguyễn Văn N1** nhưng chưa sang tên. Sau đó **H** và **L** thỏa thuận thế chấp xe ô tô này lấy số tiền 40.000.000 đồng trong vòng 30 ngày. **L** làm hợp đồng xong thì đưa cho **H** 10.000.000 đồng tiền mặt còn chuyển khoản 30.000.000 đồng đến số tài khoản 62210000302994 **ngân hàng B1** của **H**. Sau đó **H** đón xe khách về nhà. Đến tối 24/8/2023, **H** gọi cho anh **N1** xin gia hạn thêm 02

ngày với lý do bận công việc 02 ngày nữa mới về. Ngày 25/8/2023 H gọi điện cho Cửa hàng cầm đồ trên yêu cầu cho vay thêm 10.000.000 đồng thì cửa hàng đồng ý, anh L tiếp tục chuyển khoản thêm 10.000.000 đồng đến số tài khoản 62210000302994 ngân hàng B1 của H. Tổng cộng H cầm cố xe ô tô trên với giá 50.000.000 đồng. Đến ngày 26/8/2023 thì anh N1 gọi điện đòi xe, H hẹn thêm 01 ngày sẽ trả xe nhưng sau đó không nghe máy. Toàn bộ số tiền trên H dùng để trả nợ và tiêu xài cá nhân còn lại 1.100.000 đồng. Anh Nguyễn Văn N1 sau khi cho H thuê xe đã quá thời hạn H không trả xe và không liên lạc được với H nên anh Nguyễn Văn N1 đã viết đơn tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của Nguyễn H. Ngày 01/9/2023, thì Nguyễn H bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ bắt giữ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 18/KL-ĐGTS ngày 06/9/2023, Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Đ, tỉnh Gia Lai kết luận: Giá trị của chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, màu ghi bạc, biển số: 81A-060.98 trên là: 170.000.000 đồng.

Về đồ vật tài sản đã thu giữ: Khi bắt giữ Nguyễn H, Cơ quan điều tra Công an huyện Đ đã thu giữ 1.100.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO; 01 Giấy phép lái xe hạng C số 640237000021 cấp ngày 16/6/2023 mang tên Nguyễn H.

Anh Nguyễn Văn Đ1 là chủ tiệm cầm đồ F81 giao nộp: 01 xe ô tô biển số 81A-060.98; 01 Hợp đồng mua bán xe ô tô 81A-060.98 giữa Nguyễn Văn N1 và Nguyễn H; 01 Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật xe, 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô, 01 bảo hiểm tự nguyện xe ô tô 81A-060.98; 01 Hợp đồng cầm cố tài sản; 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số 640104001255 mang tên Nguyễn H.

Anh Nguyễn Như K2 giao nộp:

- 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA biển kiểm soát 81A-288.91; 02 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang biển kiểm soát 81A- 288.91; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật xe ô tô biển số 81A- 288.91; 01 căn cước công dân số 066091009531 mang tên: Trần Văn Q; 01 Giấy bán xe giữa Trần Văn Q và Nguyễn H; 01 tờ giấy bán xe giữa Nguyễn H và Nguyễn Như K2; 01 hợp đồng bán xe giữa chợ ô tô Bình Dương và anh Hoàng Văn T1 đối với xe ô tô mang biển kiểm soát 51F – 011.98.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA - INNOVA biển số 81A-225.64; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 81A-225.64; 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe ô tô 81A-225.64; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm của xe ô tô 81A-225.64; 01 Giấy bán xe ô tô 81A-225.64 giữa Hường M và Nguyễn H; 01 Hợp đồng cầm cố lập ngày 19/07/2023 giữa Tiệm cầm đồ Hoàng H3 và Nguyễn H; 01 Căn cước công dân số 064091001636, mang tên Nguyễn H.

Qua giám định Giấy phép lái xe ô tô hạng C số 640237000021 cấp ngày 16/6/2023 mang tên Nguyễn H, tại Kết luận giám định số 877/KL-KTHS ngày 29

tháng 9 năm 2023 của **Phòng K3 Công an tỉnh G** kết luận: Giấy phép lái xe số 640237000021 trên là giả.

Về xử lý vật chứng:

Cơ quan CSĐT **Công an huyện Đ**, tỉnh Gia Lai trả lại cho anh **Nguyễn Văn N1** 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển số 81A-060.98; 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009866 mang tên **Nguyễn Văn N1**; 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe ô tô biển số 81A-060.98; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô biển số 81A-060.98 mang tên **Nguyễn Văn N1**.

Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh G** đã trả cho gia đình **Nguyễn H**: 01 Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 số: 640104001255 mang tên **Nguyễn H**; 01 Căn cước công dân số 064091001636 mang tên **Nguyễn H**.

Cơ quan CSĐT **Công an thị xã A** đã trả cho anh **Hoàng Văn T1** 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA biển kiểm soát 81A-288.91; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang biển kiểm soát 81A- 288.91; 02 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật xe ô tô biển số 81A- 288.91. Trả cho anh **Trần Văn Q** 01 Căn cước công dân số 066091009531.

Cơ quan CSĐT **Công an thị xã A** trả cho anh **L1** Thảo Nguyên: 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA - INNOVA biển số 81A-225.64; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 81A-225.64; 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật xe ô tô 81A-225.64; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm của xe ô tô 81A-225.64.

* Về dân sự trong vụ án:

Anh **Lâm Thảo N**, anh **Nguyễn Huỳnh Tấn Đ**; anh **Nguyễn Văn N1** và chị **Nguyễn Thị N2** đã nhận lại tài sản mà **Nguyễn Hưng I** đem đi cầm cố, bán nên không có yêu cầu gì. Anh **Nguyễn Như K2** yêu cầu **Nguyễn H** bồi thường số tiền 160.000.000 đồng đây là số tiền mà anh **K2** đã cầm cố 02 chiếc xe ô tô biển số 81A-225.64 và 81A-288.91 cho **H**. Anh **Nguyễn Văn Đ1** yêu cầu **Nguyễn H** bồi thường số tiền 50.000.000 đồng là số tiền mà tiệm cầm đồ F81 của anh đã cầm cố chiếc xe ô tô biển số 81A-060.98 cho **H**. Hiện bị cáo **Nguyễn H** chưa bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 91/CT-VKSGL-P1 ngày 30/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định truy tố bị cáo **Nguyễn H** về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

2. Diễn biến tại phiên tòa:

* Bị cáo **Nguyễn H** khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, đồng ý với tội danh, điều luật áp dụng. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

* Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn H** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn H** từ 12 đến 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn H** từ 3 đến 4 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của hai tội từ 15 đến 17 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/9/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả cho anh **Nguyễn Văn Đ1** 50.000.000 đồng; trả cho anh **Nguyễn Như K2** 160.000.000 đồng

Về vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh đen thu của bị cáo; bảo thủ 1.100.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

- Lưu giữ tại hồ sơ vụ án 01 Giấy phép lái xe hạng C số 640237000021 cấp ngày 16/6/2023 mang tên **Nguyễn H**.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến của người bào chữa: Nhất trí như luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Nguyễn Văn Đ1**, anh **Nguyễn Như K2**: Nhất trí như nội dung Cáo trạng, bị cáo đã không trung thực khi đi thế chấp và bán xe cũ, các anh đều không biết xe do bị cáo lừa người khác nên khi biết tin các anh đều phối hợp giải quyết, giao nộp xe. Anh **K2** đề nghị bị cáo trả cho anh tổng cộng 160.000.000 đồng tiền bán và cầm cố 02 xe; anh **Đ1** đề nghị bị cáo trả cho anh 50.000.000 đồng tiền cầm cố 01 xe.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; mọi tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo nhận tội, khai hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định:

Vì muốn đối phó với cơ quan chức năng khi tham gia giao thông và để các bị hại tin tưởng cho bị cáo thuê xe ô tô tự lái nên bị cáo **Nguyễn H** đã đặt làm 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C giả mang tên **Nguyễn H**. Khi cần tiền chi tiêu cá nhân thì bị cáo thuê xe, tự viết giấy mua bán xe rồi chiếm đoạt mang xe đi cầm cố hoặc bán cho các cửa hàng cầm đồ. Với thủ đoạn này, từ ngày 29/7/2023 đến ngày 22/8/2023, bị cáo đã thuê và chiếm đoạt 3 xe ô tô của các bị hại như sau:

Ngày 29/7/2023, bị cáo thuê xe ô tô biển kiểm soát 81A-225.64 của anh **Lâm Thảo N** (xe ô tô đứng tên chủ sở hữu là anh **Hùng Minh N3**) rồi đem cầm cố tại tiệm cầm đồ **Hoàng H3** do anh **Nguyễn Như K2** quản lý để lấy 110.000.000 đồng; Ngày 15/8/2023, bị cáo thuê xe ô tô biển kiểm soát 81A-288.91 của **hộ kinh doanh T2**, do anh **Nguyễn Huỳnh Tấn Đ** làm chủ (xe ô tô đứng tên chủ sở hữu là anh **Hoàng Văn T1**) rồi đem bán cho anh **Nguyễn Như K2** để lấy 100.000.000 đồng; Ngày 22/8/2023, bị cáo thuê xe ô tô biển kiểm soát 81A-060.98 của anh **Nguyễn Văn N1** đem cầm cố tại tiệm cầm đồ F81 của anh **Nguyễn Văn Đ1** để lấy 50.000.000 đồng.

Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự, 3 chiếc xe ô tô trên có tổng giá trị là 567.638.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 877/KL-KTHS ngày 29/9/2023 của **Phòng K3 Công an tỉnh G**, Giấy phép lái xe ô tô hạng C số 640237000021 cấp ngày 16/6/2023 mang tên **Nguyễn H** là giả.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo **Nguyễn Hưng t** “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” với tình tiết định khung “Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Về tính chất mức độ, hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Bị cáo phạm 02 tội. Trong đó, tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của các bị hại; tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm phạm trật tự quản lý hành chính, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội.

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; có cha là ông **Nguyễn Bá t1** phục vụ trong **Q1** và được tặng thưởng huân chương chiến công hạng nhất nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với 02 tội.

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo khai do cần tiền nên nói dối bị hại là thuê xe đi công việc nhưng thuê xong thì tự viết giấy bán xe rồi đi cầm, bán tổng cộng 03 xe ô tô; đối với Giấy phép lái xe hạng C giả thì bị cáo chỉ gửi cho anh **H2** (con anh **Đ**), còn anh **N**, anh **N1** là chỗ quen nên bị cáo không gửi. Xem xét tài liệu trong hồ sơ thì lời khai bị cáo, anh **N**, anh **N1** đều cho rằng bị cáo có đưa bằng lái xe cho các anh để chụp lại. Khi bị cáo và anh **N1** thay đổi lời khai thì không trình bày được lý do chính đáng vì sao trước đây khai như trên. Xem xét khách quan thì chỉ khi xuất trình bằng lái xe ô tô thì chủ xe mới giao xe tự lái, việc này phù hợp với lời khai ban đầu của bị cáo và các bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với 02 tội mới phù hợp.

- Về hình phạt: Xét bị cáo phạm 02 tội, dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của 03 bị hại là xe ô tô mang đi cầm cố, bán cho các cơ sở cầm đồ để lấy tiền tiêu xài. Bản thân bị cáo đã từng bị xét xử về “Tội trộm cắp tài sản” và “Tội gây rối trật tự công cộng” nay tiếp tục phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nên cần xử bị cáo mức án nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Do bị cáo phạm 02 tội nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại là anh **Lâm Thảo N**, anh **Nguyễn Huỳnh Tấn Đ**; anh **Nguyễn Văn N1** và chị **Nguyễn Thị N2** đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh **Nguyễn Như K2** yêu cầu bị cáo trả cho anh 160.000.000 đồng; anh **Nguyễn Văn Đ1** yêu cầu bị cáo trả cho anh 50.000.000 đồng. Đây là số tiền bị cáo đã nhận do cầm cố, bán xe cho anh **K2**, anh **Đ1**. Nay xe đã thu hồi trả cho các bị hại nên yêu cầu bị cáo trả lại tiền của anh **K2**, anh **Đ1** là có căn cứ.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO thu của bị cáo là phương tiện phạm tội nên tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

- Số tiền 1.100.000 đồng thu giữ của bị cáo, khi bị thu giữ thì bị cáo khai là số tiền cầm cố xe ô tô còn lại, tại phiên tòa bị cáo khai của mẹ cho. Chưa chứng minh được là tiền do phạm tội mà có nên tuyên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 Giấy phép lái xe hạng C số 640237000021 cấp ngày 16/6/2023 mang tên **Nguyễn H**, là chứng cứ chứng minh tội phạm nên lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải hoàn trả theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Đối với các vấn đề khác:

Đối với cơ sở cầm đồ của anh **Nguyễn Như K2** và anh **Nguyễn Văn Đ1** đã nhận cầm cố và mua bán tài sản là xe ô tô mà không có giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hợp pháp. Do đó, kiến nghị xử lý hành chính 02 cơ sở kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Đối với cá nhân anh **Nguyễn Như K2** liên tục nhận cầm cố và mua 02 chiếc xe ô tô của bị cáo **Nguyễn H** trong khi cả 02 xe này đều không có giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hợp pháp. Tại phiên toà này chưa có căn cứ nào xác định anh **K2** có thỏa thuận với bị cáo hay có biết 02 xe ô tô là do bị cáo chiếm đoạt của người khác mà có. Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục thu thập chứng cứ để xem xét anh **K2** có đồng phạm hay có chứa chấp, tiêu thụ tài sản do bị cáo phạm tội mà có hay không để xử lý đúng pháp luật.

Quá trình điều tra bị cáo khai tiền lấy được thì dùng đánh bạc, trả nợ, tiêu xài...việc tại phiên toà bị cáo thay đổi lời khai cho rằng toàn bộ tiền này trả nợ cho anh **P** nhưng không có căn cứ gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn H** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn H** **13** (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn H** **3** (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo **Nguyễn H** phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là **16** (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/9/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự;

Buộc bị cáo **Nguyễn H** phải trả cho:

- Anh **Nguyễn Như K2** 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng).
- Anh **Nguyễn Văn Đ1** 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 quy định về trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

4. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh đen đã qua sử dụng;
- Trả lại cho bị cáo **Nguyễn H** 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng).

*(Vật chứng có số lượng, đặc điểm theo Biên bản bàn giao vật chứng số 113/2024 ngày 3/6/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh G** và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai).*

- Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án: 01 Giấy phép lái xe hạng C số 640237000021 cấp ngày 16/6/2023 mang tên **Nguyễn H**.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Nguyễn H** phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 10.500.000 đồng (*Mười triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm. Người nêu trên vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án.

7. Về thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT- CA tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Người bào chữa;
- Trại tạm giam CA tỉnh Gia Lai;
- Lưu HS, THS, VT.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hồng